

Tên đơn vị: Trường Mầm non Phú Đức  
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị  
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Phú Đức công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Q1/2025 như sau:

ĐV tính: đồng

| Số TT     | Nội dung                                                               | Dự toán năm          | Thực hiện Quý I/2025 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý 01 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-----------|------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1         | 2                                                                      | 3                    | 4                    | 5                                   | 6                                                               |
| <b>A</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp NS phí, lệ phí</b>                            | <b>89.000.000</b>    | <b>33.635.000</b>    | 37.792                              |                                                                 |
| <b>I</b>  | <b>Số thu học phí dự kiến</b>                                          | <b>89.000.000</b>    | <b>33.635.000</b>    | 37.792                              |                                                                 |
| 1.        | Trong đó 40% thực hiện cải cách tiền lương                             | 35.600.000           | 13.454.000           | 37.792                              |                                                                 |
| <b>II</b> | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                | <b>53.400.000</b>    | <b>20.181.000</b>    |                                     |                                                                 |
| <b>I</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục</b>                                          | <b>53.400.000</b>    | <b>20.181.000</b>    |                                     |                                                                 |
| a         | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                         | 53.400.000           | 20.181.000           |                                     |                                                                 |
| b         | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                   |                      |                      |                                     |                                                                 |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp</b>                              | <b>6.099.852.000</b> | <b>1.195.792.509</b> | 20                                  |                                                                 |
| <b>I</b>  | <b>Nguồn ngân sách trong nước cấp</b>                                  | <b>6.099.852.000</b> | <b>1.195.792.509</b> | 20                                  |                                                                 |
| <b>3</b>  | <b>Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo NĐ 60/2021/NĐ-CP</b> | <b>5.894.039.000</b> | <b>1.195.792.509</b> | 20                                  |                                                                 |
| 3.1       | Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ                          | 5.894.039.000        | 1.075.945.976        | 18                                  |                                                                 |
| 3.3       | Kinh phí chi hoạt động thường xuyên tự chủ                             |                      | 119.846.533          |                                     |                                                                 |
| <b>4</b>  | <b>Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ</b>                 | <b>205.813.000</b>   |                      |                                     |                                                                 |
| 4.1       | Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo NĐ 105/2020                               | 10.080.000           |                      |                                     |                                                                 |
| 4.2       | Chi cấp bù, kinh phí chi cấp bù miễn giảm học phí theo NĐ81/2021       | 1.733.000            |                      |                                     |                                                                 |
| 4.3       | Kinh phí chi thường theo NĐ73/2024/NĐ-CP                               | 194.000.000          |                      |                                     |                                                                 |

Người lập biểu

  
Đoàn Thị Sơn

Tam Nông, ngày 03 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

  
Võ Thị Minh Hương